

DANH SÁCH SINH VIÊN K 14, 15, 16, 17 ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKH, ngày tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
1	DTZ1652203100002	Lương Văn Phụng	11/10/1998	Tày	Lịch Sử - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
2	DTZ1752220201004	Dương Trọng Huấn	15/09/1996	Dao	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
3	DTZ1752220201024	Tào Hoàng Sướng	02/12/1998	Tày	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
4	DTZ1752220201020	Hoàng Thị Trâm	28/03/1999	Tày	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
5	DTZ1857220201008	Giàng Thị Hoa	30/12/1999	Hơ mông	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
6	DTZ1857220201024	Nông Thị Nhung	24/05/2000	Tày	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
7	DTZ1857220201030	Hoàng Thị Thuyết	06/12/1998	Tày	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
8	DTZ1655104010005	Đặng Mùi Dắt	29/09/1998	Dao	CoN Kỹ thuật Hóa - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
9	DTZ1752720403004	Nông Văn Luận	15/12/1999	Tày	Hóa học - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
10	DTZ1657601010034	Lý Thảo Anh	13/05/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
11	DTZ1657601010057	Nông Thị Kim Cúc	20/12/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
12	DTZ1657601010097	Dương Thị Diễm	20/06/1997	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
13	DTZ1657601010038	Chang A Dững	15/03/1998	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
14	DTZ1657601010064	Giàng A Dững	12/02/1998	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
15	DTZ1657601010096	Hoàng Đình Huấn	11/07/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
16	DTZ1657601010032	Chăn Thị Hường	15/05/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
17	DTZ1657601010049	Hoàng Thị Hường	07/01/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
18	DTZ1657601010110	Bùi Văn Khải	20/11/1998	Mường	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
19	DTZ1657601010092	Lý Thanh Kiểm	03/09/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
20	DTZ1657601010043	Hờ A Lòng	06/07/1998	H Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
21	DTZ1657601010134	Lý Thị Lưu Luyện	26/02/1997	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
22	DTZ1657601010013	Bạch Công Minh	13/09/1998	Mường	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
23	DTZ1657601010127	Đieu Văn Mơi	04/06/1997	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
24	DTZ1657601010051	Chu Phò Na	18/02/1998	Hà nhì	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
25	DTZ1657601010136	Vương Thị Nhân	28/08/1997	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
26	DTZ1657601010093	Hoàng Thị Nhất	18/11/1997	Dao	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
27	DTZ1657601010030	Lù Thị Phương	14/12/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
28	DTZ1657601010138	Pờ Ha Po	06/08/1998	Hà nhì	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
29	DTZ1657601010015	Nông Thị Thu Thảo	16/08/1996	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
30	DTZ1657601010115	Tráng A	Thống	06/07/1996	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
31	DTZ1657601010029	Giàng Thị	Thu	23/03/1997	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
32	DTZ1657601010023	Lù Thị Thân	Thương	28/04/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
33	DTZ1657601010041	Hoàng Thị	Trang	06/11/1998	Dao	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
34	DTZ1657601010107	La Thị	Trang	30/08/1996	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
35	DTZ1657601010045	Lô Văn	Trưởng	25/11/1996	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
36	DTZ1657601010113	Hạng A	Tùng	11/06/1997	Hơ mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
37	DTZ1657601010021	Nguyễn Quang	Tùng	13/08/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
38	DTZ1657601010054	Lò Thị	Xuân	20/11/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
39	DTZ1657601010142	Lục Thị	Xuân	16/07/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
40	DTZ1657601010123	Lèng Thị	Yến	27/08/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
41	DTZ1752760101013	Nông Văn	Chương	01/02/1988	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
42	DTZ1752760101002	Triệu Thị	Chuồng	20/08/1998	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
43	DTZ1752760101055	Lò Mi	Do	12/09/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
44	DTZ1752760101019	Tần Thị	Điều	15/07/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
45	DTZ1752760101021	Mùa A	Dũng	07/09/1996	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
46	DTZ1752760101074	Thào Thị	Gánh	08/09/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
47	DTZ1752760101069	Đào Thị	Hoa	30/11/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
48	DTZ1752760101027	Lục Thị	Khiêm	11/06/1998	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
49	DTZ1752760101023	Sân Thị	Lan	14/10/1999	Nùng	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
50	DTZ1752760101053	Vừ A	Lệnh	22/05/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
51	DTZ1752760101035	Lã Bích	Liễu	14/09/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
52	DTZ1752760101036	Triệu Thị	Loan	01/02/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
53	DTZ1752760101080	Hoàng Văn	Lý	13/11/1998	Sán Chí	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
54	DTZ1752760101039	Quảng Thị	Mai	21/01/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
55	DTZ1752760101018	Khoảng Thị	Nghiêm	07/01/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
56	DTZ1752760101006	Bạc Cầm	Phúc	24/10/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
57	DTZ1752760101079	Nông Hoàng	Thị	17/08/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
58	DTZ1752760101065	Ngân Văn	Toàn	01/01/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
59	DTZ1752760101017	Lò Thị	Trang	21/05/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
60	DTZ1752760101008	Dương Bích	Vân	11/06/1998	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
61	DTZ1857760101001	Lương Tuấn	Anh	04/11/1998	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
62	DTZ1857760101003	Giàng A	Chanh	08/10/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
63	DTZ1857760101006	Mùa Thị	Dê	02/09/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
64	DTZ1857760101049	Vàng A	Hào	20/05/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
65	DTZ1857760101012	Đàm Chu	Hậu	11/05/1996	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
66	DTZ1857760101014	Hoàng Thị	Hoài	19/10/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
67	DTZ1857760101029	Trang Thị	Phénh	01/09/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
68	DTZ1857760101030	Mùa Thị Thu	Phương	03/01/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
69	DTZ1857760101032	Lãnh Văn	Quý	29/10/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
70	DTZ1857760101036	Lường Thị	Thảo	10/10/2000	Lào	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
71	DTZ1857760101039	Hoàng Thị	Thùy	12/07/1999	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
72	DTZ1957760101007	Ly Thị	Dà	20/05/2001	Mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
73	DTZ1957760101016	Sùng Thị	Dề	05/08/2001	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
74	DTZ1957760101021	Hoàng Quỳnh	Diệp	25/05/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
75	DTZ1957760101019	Ma Thị	Hạnh	07/08/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
76	DTZ1957760101013	Quảng Văn	Long	16/11/2001	Thái	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
77	DTZ1957760101001	Châu Thị	Rô	26/07/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
78	DTZ1957760101006	Lường Văn	Thành	22/11/2001	Thái	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
79	DTZ1957760101003	Tô Thị Huyền	Trang	21/09/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
80	DTZ1957760101017	Má Thị Thanh	Xuân	04/12/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
81	DTZ1653404010016	Hoàng Thị	Hiền	08/04/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
82	DTZ1653404010029	Lộc Thị	Hương	24/02/1996	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
83	DTZ1653404010036	Bàn Tồn	Khé	28/10/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
84	DTZ1653404010012	Nông Thị	Kiều	18/09/1998	Tày	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
85	DTZ1653404010020	Lò Thị	Lá	26/06/1998	Thái	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
86	DTZ1653404010023	Nông Thị	Linh	08/07/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
87	DTZ1653404010034	Hoàng Thị	Xuyến	29/06/1998	Tày	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
88	DTZ1752340401009	Hoàng Văn	Bình	26/02/1999	Nùng	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
89	DTZ1752340401003	Ngọc Văn	Đoàn	03/03/1999	Nùng	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
90	DTZ1752340401006	Giàng Thị	Ghênh	18/03/1999	Mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
91	DTZ1752340401021	Lầu Bá	Hòa	30/06/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
92	DTZ1752340401007	Sùng Thị	Pàng	24/09/1998	Mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
93	DTZ1752340401020	Nguyễn Thiên	Son	08/03/1999	Tày	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
94	DTZ1857340401004	Sòi Thu	Hà	10/04/2000	Thái	KH Quản lý - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
95	DTZ1857340401008	Giàng A	Minh	07/10/2000	Mông	KH Quản lý - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
96	DTZ1857340401013	Lý Thị Kim	Oanh	02/09/2000	Tày	KH Quản lý - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
97	DTZ1957340401013	Nông Thị	Chang	10/07/2001	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
98	DTZ1957340401017	Lại Thu	Hoài	01/01/2001	Sán Diu	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
99	DTZ1957340401016	Trần Thị	Huế	13/04/2001	Sán Chí	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
100	DTZ1957340401034	Đặng Thu	Huyền	09/04/2001	Dao	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
101	DTZ1957340401003	Hoàng Thị Thu	Kiều	21/06/2001	Nùng	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
102	DTZ1957340401032	Sùng Thị	Linh	05/11/2001	Mông	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
103	DTZ1957340401022	Đinh Thị Hồng	Vân	11/01/2001	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
104	DTZ1957340401014	Lường Thế	Vinh	11/06/2001	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
105	DTZ1653801010079	Lờ A	Của	13/07/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
106	DTZ1653801010033	Thào A	Dinh	20/07/1998	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
107	DTZ1653801010067	Mông Thị Ngọc	Diễm	27/01/1998	Tày	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
108	DTZ1653801010015	Lò Văn	Đông	19/10/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
109	DTZ1653801010083	Giàng Thìn	Hai	04/03/1997	Mông	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
110	DTZ1653801010002	Vương Nhật	Minh	30/04/1998	Tày	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
111	DTZ1653801010065	Lù Thị	Nhung	15/06/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
112	DTZ1653801010044	Lù Thị	Phượng	15/08/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
113	DTZ1653801010009	Lò Văn	Son	12/10/1996	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
114	DTZ1653801010080	Mào Thanh	Son	17/12/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
115	DTZ1653801010081	Triệu Thanh	Tuyền	07/09/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
116	DTZ1653801010030	Đặng Thị Kiều	Trinh	15/06/1998	Dao	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
117	DTZ1653801010094	Nguyễn Thị	Bình	02/07/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
118	DTZ1653801010095	Hồ Thị	Chung	08/09/1997	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
119	DTZ1653801010093	Mùa Thị	Cu	01/01/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
120	DTZ1653801010137	Giàng A	Của	28/02/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
121	DTZ1653801010114	Hoàng Khánh	Linh	06/09/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
122	DTZ1653801010176	Giàng Mí	Sinh	01/02/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
123	DTZ1653801010147	Lâm Hoàng	Thái	02/11/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
124	DTZ1653801010125	Nông Đình	Thái	23/06/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
125	DTZ1653801010177	Hoàng Văn	Thương	10/06/1995	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
126	DTZ1653801010160	Nguyễn Thị	Thùy	04/03/1998	Mường	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
127	DTZ1653801010133	Hoàng Thị Huyền	Trang	24/09/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
128	DTZ1653801010162	Hoàng Thị	Uyên	10/01/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
129	DTZ1653801010148	Trần Thị Thúy	Vĩnh	25/07/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
130	DTZ1653801010233	Giàng Thị	Bằng	25/08/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
131	DTZ1653801010229	Sùng Thị	Chu	10/03/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
132	DTZ1653801010236	Sùng A	Chù	08/12/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
133	DTZ1653801010250	Nguyễn Văn	Đài	11/03/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
134	DTZ1653801010201	Bùi Trung	Đức	02/01/1997	Mường	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
135	DTZ1653801010262	Hoàng Thị	Hiền	13/09/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
136	DTZ1653801010207	Riêu Thị	Loan	16/11/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
137	DTZ1653801010243	Hoàng Văn	Mạnh	20/11/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
138	DTZ1653801010261	Nông Thúy	Na	24/02/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
139	DTZ1653801010234	Lù Seo	Sấn	19/06/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
140	DTZ1653801010186	Lãnh Văn	Sang	16/05/1997	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
141	DTZ1653801010219	Ma Hương	Thùy	21/08/1997	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
142	DTZ1653801010217	Vàng Mí	Và	10/12/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
143	DTZ1653801010348	Sùng A	Cá	15/03/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
144	DTZ1653801010317	Hoàng Minh	Công	15/08/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
145	DTZ1653801010360	Quan Kiên	Cường	22/12/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
146	DTZ1653801010284	Mùa Thị	Dí	07/04/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
147	DTZ1653801010299	Đàm Thị	Điệp	27/07/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
148	DTZ1653801010280	Hạng Thị	Dinh	20/12/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
149	DTZ1653801010281	Vàng Thị	Doan	30/10/1997	Thái	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
150	DTZ1653801010326	Lù Thị	Dung	10/11/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
151	DTZ1653801010303	Hoàng Thị	Hương	07/12/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
152	DTZ1653801010330	Phan Thị Mai	Hương	16/04/1997	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
153	DTZ1653801010278	Châu Thị	Nguyệt	04/04/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
154	DTZ1653801010355	Hoàng Thúy	Nương	26/08/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
155	DTZ1653801010340	Nông Thị Bích	Phương	18/08/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
156	DTZ1653801010354	Phan Thu	Thảo	23/01/1996	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
157	DTZ1653801010309	Ma Quang	Trung	13/09/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
158	DTZ1653801010295	Thùng Thị Hải	Yến	13/05/1998	Thái	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
159	DTZ1653801010324	Sùng A	Và	20/11/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
160	DTZ1653801010296	Phan Văn	Vĩnh	28/10/1998	Thái	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
161	DTZ1653801010417	Vừ A	Chá	06/01/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
162	DTZ1653801010432	Phan Quốc	Đô	15/02/1997	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
163	DTZ1653801010422	Cầm Bá	Đức	24/12/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
164	DTZ1653801010376	Lò Văn	Đức	27/07/1998	Lào	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
165	DTZ1653801010406	Đặng Văn	Hải	11/06/1998	Dao	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
166	DTZ1653801010411	Vì Thị	Hằng	11/04/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
167	DTZ1653801010379	Hoàng Thu	Hoài	25/12/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
168	DTZ1653801010442	Lý Mỹ	Lò	02/06/1997	Hà nhì	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
169	DTZ1653801010363	Hoàng Hải	Lược	26/02/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
170	DTZ1653801010361	Hòa Đình	Lưu	23/08/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
171	DTZ1653801010449	Vi Đức	Mạnh	14/05/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
172	DTZ1653801010398	Bế Thị	Nha	13/10/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
173	DTZ1653801010365	Vương Thị	Nhung	05/09/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
174	DTZ1653801010420	Lục Thị Tùng	Oanh	21/03/1997	Giáy	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
175	DTZ1653801010446	Giàng Thị	Ơ	01/07/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
176	DTZ1653801010377	Lò Văn	Quân	05/06/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
177	DTZ1653801010385	Phê A	Sang	16/10/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
178	DTZ1653801010375	Lò Thị	Thỏa	17/05/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
179	DTZ1653801010439	Ma Toàn	Trung	17/09/1997	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
180	DTZ1653801010367	Nông Thị Thanh	Tú	26/01/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
181	DTZ1653801010373	Giàng A	Vàng	12/10/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
182	DTZ1653801010390	Nông Văn	Vĩnh	26/02/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
183	DTZ1653801010506	Khang Thị	Bla	04/04/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
184	DTZ1653801010453	Lò Văn	Cường	19/05/1997	Giáy	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
185	DTZ1653801010479	Lường Văn	Dương	13/08/1998	Thái	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
186	DTZ1653801010472	Trần Thị	Dương	23/07/1998	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
187	DTZ1653801010498	Giàng A	Giàng	27/11/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
188	DTZ1653801010505	Lành Minh	Hoàn	12/08/1998	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
189	DTZ1653801010460	Vi Nhật	Lệ	14/07/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
190	DTZ1653801010509	Giàng Thị	Mây	20/03/1997	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
191	DTZ1653801010487	Giàng A	Nhìa	02/09/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
192	DTZ1653801010467	Trương Thị	Như	16/12/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
193	DTZ1653801010477	Đình Hồng	Quân	01/04/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
194	DTZ1653801010471	Nguyễn Thị	Quê	06/01/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
195	DTZ1653801010500	Đình Văn	Thị	12/06/1998	Mường	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
196	DTZ1653801010510	Mùa Xuân	Xênh	25/06/1997	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
197	DTZ1653801010511	Giàng A	Trầu	02/03/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
198	DTZ1752380101032	Mông Ngọc	Bích	03/05/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
199	DTZ1752380101085	Thào Thị	Dinh	15/06/1999	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
200	DTZ1752380101034	Nông Bích	Hào	19/07/1999	Nùng	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
201	DTZ1752380101025	Giàng A	Hiêu	01/12/1998	Hà nhì	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
202	DTZ1752380101055	Phạm Văn	Hiếu	11/02/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
203	DTZ1752380101083	Vàng A	Khái	03/03/1999	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
204	DTZ1752380101039	Chèo Kin	Phổng	27/06/1998	Dao	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
205	DTZ1752380101036	Lò Văn	Tùng	14/05/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
206	DTZ1752380101060	Hoàng Thị	Thảo	13/11/1999	Nùng	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
207	DTZ1752380101171	Giàng A	Cang	10/03/1996	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
208	DTZ1752380101123	Giàng A	Cừ	18/10/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
209	DTZ1752380101177	Nông Thị Kim	Cúc	20/09/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
210	DTZ1752380101184	Địch Xuân	Cương	25/10/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
211	DTZ1752380101173	Lờ Thị	Dung	08/03/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
212	DTZ1752380101189	Bàn Thị	Hà	27/07/1999	Dao	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
213	DTZ1752380101197	Chu Mi	Hoa	24/05/1999	Hà nhì	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
214	DTZ1752380101133	Phạm Nhật	Hoàng	02/10/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
215	DTZ1752380101115	Chu Bích	Huyền	23/08/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
216	DTZ1752380101149	Lầu Thị	Lan	09/02/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
217	DTZ1752380101143	Sùng A	Lừ	14/10/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
218	DTZ1752380101134	Hoàng Ngọc	Oánh	04/01/1998	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
219	DTZ1752380101121	Hàng A	Thắng	10/11/1999	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
220	DTZ1752380101128	La Thị	Thom	07/01/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
221	DTZ1752380101179	Chu Minh	Tuyên	28/01/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
222	DTZ1752380101151	Thào Thị	Vân	10/09/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
223	DTZ1752380101199	Lưu Hoàng	Anh	25/04/1998	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
224	DTZ1752380101250	Giàng A	Bồn	29/09/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
225	DTZ1752380101269	Sùng A	Câu	10/02/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
226	DTZ1752380101210	Hạng Thị	Cha	12/05/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
227	DTZ1752380101227	Lý A	Chua	19/09/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
228	DTZ1752380101288	La Thị	Hạnh	24/08/1996	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
229	DTZ1752380101237	Lò Thị	Lâm	23/04/1999	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
230	DTZ1752380101243	Triệu Quý	Lương	24/04/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
231	DTZ1752380101252	Sòng Thị	Le	11/10/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
232	DTZ1752380101223	Nông Thị Hương	Mai	28/05/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
233	DTZ1752380101230	Ngô Thế	Ngữ	31/08/1998	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
234	DTZ1752380101262	Lường Hà Hương	Sắc	01/01/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
235	DTZ1752380101242	Lò Văn	Thao	25/04/1998	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
236	DTZ1752380101229	Châu Thị Mỹ	Thêu	28/08/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
237	DTZ1752380101239	Hồ Thị	Tĩnh	03/04/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
238	DTZ1752380101282	Vàng Bà	Tú	06/10/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
239	DTZ1752380101222	Bàn Văn	Tùng	30/07/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
240	DTZ1752380101256	Giàng Hùng	Vương	18/08/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
241	DTZ1752380101263	Lò Thị Hải	Yến	01/05/1999	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
242	DTZ1752380101064	Thào A	Chinh	05/11/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
243	DTZ1752380101203	Và A	Chu	18/08/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
244	DTZ1752380101027	Cháng Vãn	Cường	11/04/1997	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
245	DTZ1752380101299	Thào A	Dênh	22/11/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
246	DTZ1752380101304	Thào A	Dia	12/05/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
247	DTZ1752380101255	Lương Thị	Hoa	04/06/1997	Tày	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
248	DTZ1752380101198	Bàn Phúc	Huy	01/04/1994	Dao	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
249	DTZ1752380101283	Mùa A	Kỷ	25/03/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
250	DTZ1752380101206	Mùa Thị Xuân	Nhi	28/11/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
251	DTZ1752380101113	Hoàng Minh	Tuấn	11/04/1998	Tày	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
252	DTZ1752380101215	Hoàng Tuấn	Anh	30/04/1998	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
253	DTZ1857380101002	Tòng Vãn	Biển	09/03/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
254	DTZ1857380101008	Tòng Khánh	Đức	20/08/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
255	DTZ1857380101011	Lù Vãn	Dương	13/01/2000	Giáy	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
256	DTZ1857380101198	Lò Vãn	Hiệp	20/05/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
257	DTZ1857380101016	Phương Thế	Hoàng	06/06/2000	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
258	DTZ1857380101017	Trần Duyên	Hồng	14/10/2000	Sán Chí	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
259	DTZ1857380101028	Nông Ngọc	Huy	17/03/1999	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
260	DTZ1857380101029	Hà Thị Thu	Huyền	04/06/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
261	DTZ1857380101030	Lường Thị Thu	Huyền	11/10/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
262	DTZ1857380101034	Quảng Vãn	Khánh	24/11/1999	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
263	DTZ1857380101035	Vàng A	Khu	01/01/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
264	DTZ1857380101040	Đàm Thị	Ngân	12/03/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
265	DTZ1857380101041	Tô Hồng	Ngát	23/12/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
266	DTZ1857380101043	Giàng A	Pề	08/09/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
267	DTZ1857380101045	Sùng A	Phong	03/02/1998	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
268	DTZ1857380101048	Mào Thị Ánh	Phượng	06/12/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
269	DTZ1857380101049	Hờ Sùng	Pó	14/02/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
270	DTZ1857380101052	Hoàng Ngọc	Quang	02/04/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
271	DTZ1857380101053	Giàng Thế	Quyết	04/09/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
272	DTZ1857380101056	Thào A	Sinh	04/07/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
273	DTZ1857380101061	Ly A	Tăng	02/04/1997	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
274	DTZ1857380101062	Triệu Ngọc	Tĩnh	28/05/1999	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
275	DTZ1857380101066	Vàng A	Tùa	03/03/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
276	DTZ1857380101069	Ma Thị	Viên	28/06/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
277	DTZ1857380101070	Lường Văn	Vui	18/12/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
278	DTZ1857380101075	Cháng A	Chia	02/09/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
279	DTZ1857380101076	Lý A	Chó	30/01/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
280	DTZ1857380101085	Sùng A	Dung	13/08/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
281	DTZ1857380101090	Ly Thanh	Hải	16/09/1997	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
282	DTZ1857380101201	Trương Quang	Hung	27/05/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
283	DTZ1857380101098	Nông Thị	Lệ	10/12/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
284	DTZ1857380101095	Sùng A	Là	20/05/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
285	DTZ1857380101097	Nguyễn Thị Thu	Lan	01/01/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
286	DTZ1857380101100	Nguyễn Tiêu	Linh	12/03/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
287	DTZ1857380101101	Nông Thị Thùy	Linh	24/02/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
288	DTZ1857380101104	Giàng Mí	Lùng	10/10/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
289	DTZ1857380101102	Sinh Thị	Lử	19/01/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
290	DTZ1857380101105	Hoàng Văn	Lương	08/04/1999	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
291	DTZ1857380101110	Vừ Bá	Mua	28/12/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
292	DTZ1857380101113	Hoàng Hải	Ngọc	11/09/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
293	DTZ1857380101116	Lý Thị	Phượng	25/03/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
294	DTZ1857380101122	Nông Quang	Thông	07/10/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
295	DTZ1857380101121	Đinh Thị	Thơm	03/03/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
296	DTZ1857380101126	Lường Văn	Thuận	04/08/2000	Thái	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
297	DTZ1857380101184	Cao Thị Hoài	Thương	13/11/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
298	DTZ1857380101128	Sân Việt	Thủy	29/03/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
299	DTZ1857380101129	Triệu Minh	Tiến	17/10/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
300	DTZ1857380101131	Lò Văn	Toán	03/12/2000	Thái	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
301	DTZ1857380101132	Nông Thị	Trang	01/05/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
302	DTZ1857380101135	Giàng Anh	Tuấn	29/09/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
303	DTZ1857380101137	Nông Anh	Tuấn	19/01/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
304	DTZ1857380101138	Quảng Văn	Tuấn	15/01/2000	Thái	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
305	DTZ1857380101082	Bế Thị Ngọc	Diệp	08/09/2000	Tày	Luật C - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
306	DTZ1857380101153	Hoàng Hà	Giang	04/09/2000	Tày	Luật C - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
307	DTZ1957380101039	Lò Tuấn	Anh	16/01/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
308	DTZ1957380101036	Quảng Thị	Bình	17/05/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
309	DTZ1957380101029	Bùi Minh	Chiến	05/08/2001	Giáy	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
310	DTZ1957380101049	Nông Minh	Đạt	04/11/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
311	DTZ1957380101026	Triệu Thị Ngọc	Lan	03/12/2001	Nùng	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
312	DTZ1957380101044	Nông Thị Kim	Liên	21/11/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
313	DTZ1957380101002	Phạm Thảo	Linh	29/10/2001	CaoLan	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
314	DTZ1957380101052	Quảng Thị Minh	Nguyệt	26/09/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
315	DTZ1957380101032	Thào Thị	Nếnh	29/05/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
316	DTZ1957380101041	Tần Thị	Phê	14/01/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
317	DTZ1957380101014	Nghiêm Ngọc	Quỳnhh	28/08/2000	Tày	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
318	DTZ1957380101015	Giàng A	Tàng	08/07/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
319	DTZ1957380101047	Thào Xuân	Tinh	25/04/2001	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
320	DTZ1957380101118	Hoàng Thị	Vân	07/08/2001	Xuông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
321	DTZ1957380101091	La Thị Mỹ	Duyên	04/09/2001	Tày	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
322	DTZ1957380101075	Thào Thị	Hoa	19/02/2001	Mông	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
323	DTZ1957380101069	Lò Xuân	Hòa	12/03/2001	Thái	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
324	DTZ1957380101100	Đàm Phương	Oanh	14/09/2000	Tày	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
325	DTZ1957380101099	Luân Thị Ngọc	Thùy	27/09/2001	Tày	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
326	DTZ1654402170011	Hoàng Đức	Bắc	08/02/1998	Tày	Địa lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
327	DTZ1654402170010	Tần A	Giao	11/12/1996	Dao	Địa lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
328	DTZ1654402170005	Hoàng Thị	Nguyên	21/11/1998	Tày	Địa lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
329	DTZ1654402170006	Giàng Mí	Cầu	28/07/1998	Mông	Địa lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
330	DTZ1654403010010	Thào A	Hồng	15/08/1998	Hơ mông	KH Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
331	DTZ1658501010030	Đàm Khánh	Linh	27/07/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
332	DTZ1658501010035	Hoàng Văn	Sâm	05/09/1998	Thái	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
333	DTZ1658501010002	Trần Văn	Tuấn	12/01/1997	Giáy	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
334	DTZ1752850101004	Sinh Thị	Cay	12/09/1999	Hơ mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
335	DTZ1752850101006	Nông Thị Thu	Hằng	17/05/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
336	DTZ1752850101002	Quách Thị	Lệ	16/09/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
337	DTZ1857850101003	Lò Văn	Tinh	10/10/1999	Thái	QLTN Môi trường - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
338	DTZ1857850101004	Đàm Tiến	Tùng	15/10/2000	Tày	QLTN Môi trường - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
339	DTZ1957850101004	Đồng Tiến	Tuyền	10/07/2000	Tày	QLTN Môi trường - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
340	DTZ1654202010002	Khà Văn	Nam	24/03/1998	Thái	CoN Sinh học - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
341	DTZ1654202010009	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/06/1998	Tày	CoN Sinh học - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
342	DTZ1957420201025	Lò Thị	Hoa	09/10/1999	Thái	CoN Sinh học - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
343	DTZ1957420201005	Triệu Thị	Như	08/08/2001	Dao	CoN Sinh học - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
344	DTZ1957420201017	Dương Thị Mến	Thương	10/09/2001	Hơ mông	CoN Sinh học - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
345	DTZ1653201010038	Sin Thị	Chang	13/07/1998	Thái	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
346	DTZ1653201010029	Ma Thanh	Đức	09/12/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
347	DTZ1653201010015	Trần Thị	Hằng	12/05/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
348	DTZ1653201010007	Đặng Minh	Quang	13/01/1998	Sán Dìu	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
349	DTZ1653201010013	Phan Thị Huyền	Thương	28/01/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
350	DTZ1857320101002	Sùng Anh	Đông	01/11/1999	Hơ mông	Báo chí - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
351	DTZ1957320101012	Dương Thị Hồng	Anh	20/01/2001	Tày	Báo chí - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
352	DTZ1957320101009	Đoàn Thế	Linh	17/03/2001	Tày	Báo chí - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
353	DTZ1652203300001	Nông Thị Bích	Vân	01/09/1997	Tày	Văn học - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	567,000	5	2,835,000
354	DTZ1857810101004	Ly Thị	Cáy	29/09/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
355	DTZ1857810101075	Hoàng Công	Chế	01/01/1999	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
356	DTZ1857810101007	Nguyễn Đức	Cường	02/02/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
357	DTZ1857810101068	Hoàng Thị	Đào	01/09/1999	Giáy	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
358	DTZ1857810101010	Giàng Thị	Dính	20/06/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
359	DTZ1857810101016	Lại Quang	Hà	15/08/2000	Mường	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
360	DTZ1857810101018	Vi Thị	Hậu	03/04/2000	Sán Dìu	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
361	DTZ1857810101025	Châu Văn	Khải	17/08/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
362	DTZ1857810101061	Sùng Thị	Kía	13/05/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
363	DTZ1857810101026	Vi Thị	Lê	17/02/2000	Nùng	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
364	DTZ1857810101027	Hoàng Thị	Liễu	21/05/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
365	DTZ1857810101078	Trần Bảo	Luân	23/11/2000	Hoa	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
366	DTZ1857810101035	Hoàng Đức	Minh	04/12/1999	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
367	DTZ1857810101039	Vàng Mí	Nô	12/02/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
368	DTZ1857810101041	Hà Thị	Oanh	08/05/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
369	DTZ1857810101044	Vàng Mí	Sá	07/12/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
370	DTZ1857810101049	Châu Thị	Thùy	10/11/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
371	DTZ1857810101051	Mùa A	Tổng	20/10/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
372	DTZ1857810101057	Bùi Thị Nhã	Uyên	26/09/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
373	DTZ1957810101045	Hoàng Thị	Duyên	18/09/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
374	DTZ1957810101029	Hoàng Thế	Đoàn	30/12/2001	Giáy	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
375	DTZ1957810101030	Vừ Mí	Già	01/02/2000	Hơ mông	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
376	DTZ1957810101026	Nông Thị	Hải	14/09/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
377	DTZ1957810101012	Bàn Thị	Hiền	05/08/2001	Dao	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
378	DTZ1957810101008	Nguyễn Văn	Kiên	07/03/2001	Mường	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
379	DTZ1957810101007	Lý Mùi	Mấy	05/03/2001	Dao	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
380	DTZ1957810101025	Nguyễn Bé	Ngọc	14/12/2001	Thái	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
381	DTZ1957810101052	Lý La Cao	Nguyên	08/07/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
382	DTZ1957810101021	Nguyễn Hồng	Nhung	14/10/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
383	DTZ1957810101057	Hoàng Văn	Thuận	22/07/2001	Nùng	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
384	DTZ1655281020041	Nông Thị	Chiêm	23/09/1997	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
385	DTZ1655281020029	Hoàng Mùi	Chiều	16/10/1998	Dao	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
386	DTZ1655281020022	Ninh Thị	Hồ	28/10/1998	Sán Chí	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
387	DTZ1655281020031	Hoàng Thị	Hương	11/09/1998	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
388	DTZ1655281020015	Nông Duy	Thông	12/04/1997	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
389	DTZ1655281020040	Đặng Thị	Xoan	10/07/1998	Dao	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
390	DTZ1655281020068	Sinh Mí	Cơ	14/04/1999	Mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
391	DTZ1655281020070	Bàn Tài	Đoàn	24/10/1999	Dao	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
392	DTZ1752528102031	Quan Thị Hương	Giang	19/09/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
393	DTZ1752528102048	Lèo Thị Thanh	Huyền	26/05/1997	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
394	DTZ1752528102039	Trắng Văn	Lợi	01/08/1999	Sán Chí	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
395	DTZ1752528102049	Nông Thị Diệp	Ly	18/08/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
396	DTZ1752528102066	Má Thị	Máy	07/07/1999	Hơ mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
397	DTZ1655281020010	Hoàng Văn	Nam	15/05/1999	Giáy	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
398	DTZ1752528102044	Hầu Thị	So	03/12/1999	Hơ mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
399	DTZ1655281020008	Hoàng Thị Diệu	Thư	31/01/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
400	DTZ1752528102059	Mùa A	Vân	19/08/1999	Mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
401	DTZ1857810103007	Lương Minh	Chiến	06/02/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
402	DTZ1857810103008	Lò Thị	Cương	20/05/2000	Lào	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
403	DTZ1857810103099	Giăng Thị	Dợ	13/05/1998	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
404	DTZ1857810103014	Đinh Thị	Duyên	09/09/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
405	DTZ1857810103021	Mai Quỳnh	Hoa	05/05/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
406	DTZ1857810103020	Nguyễn Đức	Hiếu	07/08/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
407	DTZ1857810103024	Di Thị	Hường	13/04/2000	Nùng	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
408	DTZ1857810103025	Giăng Thị	Khua	23/07/2000	Hơ mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
409	DTZ1857810103086	Dương Thị	Linh	08/09/2000	Bố y	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
410	DTZ1857810103026	Lê Triệu	Long	17/11/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
411	DTZ1857810103028	Đặng Quỳnh	Mai	18/06/1999	Dao	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
412	DTZ1857810103034	Giăng Thị	Pà	25/01/2000	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
413	DTZ1857810103035	Bùi Minh	Phú	12/12/2000	Mường	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
414	DTZ1857810103037	Phạm Đăng	Quang	23/10/1999	CaoLan	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
415	DTZ1857810103039	Thào A	Sử	05/05/1999	Hơ mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
416	DTZ1857810103041	Nông Thị	Thắm	18/11/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
417	DTZ1857810103042	Nông Văn	Thanh	14/10/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
418	DTZ1857810103046	Mông Văn	Tuấn	22/12/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
419	DTZ1857810103047	Dương Quang	Tùng	23/12/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
420	DTZ1857810103048	Nghiều Thị	Tuyết	28/11/2000	Nùng	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
421	DTZ1857810103064	Nông Văn	Hiếu	11/09/2000	Tày	QT Du lịch B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
422	DTZ1857810103063	Triệu Hồng	Hiếu	07/10/2000	Dao	QT Du lịch B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	672,000	5	3,360,000
Tổng cộng								297,192,000		1,243,620,000